



®

Installation and Operating Instructions

Hướng dẫn Lắp đặt và Vận hành
安装使用说明书
安裝使用說明書

تعليمات التركيب والتشغيل والصيانة

Ventilating Fan
Quạt thông gió

換氣扇
換氣扇

مروحة التهوية

24JRB 24JAB

Model No. Số hiệu
型号 型號 موديل رقم

24JRB

24JAB

CONTENTS	目录	目錄	MỤC LỤC	جدول المحتويات
SAFETY INSTRUCTIONS	安全指引	Ý NGHĨA CÁC KÝ HIỆU	2
INSTALLATION CAUTIONS	安装注意事项	TRUNG TÂM AN TOÀN KHI LẮP ĐẶT	2-5
PART NAME AND DIMENSIONS	部品名称和尺寸	TÊN BỘ PHẬN VÀ KÍCH THƯỚC	6
SUPPLIED ACCESSORIES	包装附件清单	PHỤ KIỆN ĐI KÈM	7
HOW TO INSTALL	安装方法	CÁCH LẮP ĐẶT	7-13
SWITCH INDICATION	开关指示	CHỈ BÁO CÀI ĐẶT	14
OPERATION	运转	VẬN HÀNH	14-15
OPERATION AND ROUTINE MAINTENANCE	日常使用及维护	VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ	15-18
TROUBLE SHOOTING GUIDE	问题指引	HƯỚNG DẪN XỬ LÝ SỰ CỐ	18
WIRING DIAGRAM	电气原理图	SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY	19
SPECIFICATIONS	规格	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	19
AMCA SPECIFICATIONS	AMCA 规格	THÔNG SỐ KỸ THUẬT AMCA	尾頁
AMCA 规格	AMCA 規格	AMCA	PHẢN VỎ SAU	尾頁

Thank you very much for purchasing this KDK Ventilating Fan.

Trân trọng cảm ơn quý vị đã sử dụng Quạt thông gió KDK.

感谢您选用 KDK 换气扇。

感謝您選用 KDK 換氣扇。

نقدم لكم جزيل الشكر على قيامكم بشراء مروحة التهوية ماركة KDK.

Please read these instructions carefully before attempting to install, operate or service the KDK Ventilating Fan. Failure to comply with instructions could result in personal injury or property damage. Please explain to users how to operate and maintain the product after installation, and this booklet should be presented to users. Please retain this booklet for future reference.

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này trước khi lắp đặt, vận hành hoặc bảo dưỡng Quạt thông gió KDK. Không tuân theo các hướng dẫn có thể dẫn đến tổn thương thân thể hoặc hư hỏng tài sản. Cuốn sách này được trình bày cho người sử dụng, xin vui lòng giải thích cho người dùng cách vận hành và bảo trì sản phẩm sau khi cài đặt. Vui lòng giữ lại sách hướng dẫn này để tiện tra cứu về sau.

安装、使用和维护 KDK 换气扇前, 请仔细阅读本安装使用说明书。不遵照此说明书进行操作有可能导致人员受伤或财产损失。安装完成后, 请向顾客说明如何使用和维护产品, 并将此说明书交给顾客保管。请妥善保管好此说明书以备日后参考。

安装、使用和维护 KDK 換氣扇前, 請仔細閱讀本安裝使用說明書。不遵照此說明書進行操作有可能導致人員受傷或財產損失。安裝完成後, 請向顧客說明如何使用和維護產品, 並將此說明書交給顧客保管。請妥善保管好此說明書以備日後參考。

يرجى قراءة هذه التعليمات بعناية قبل محاولة التركيب والتشغيل أو الاتصال بمرآز خدمة صيانة مروحة التهوية ماركة KDK. فقد يؤدي القصور في إطاعة التعليمات إلى إصابة الشخص أو الإضرار بالممتلكات ويرجى الاحتفاظ بهذا الكتاب للرجوع إليه مستقبلاً. يرجى شرح كيفية المستخدمين تشغيل وصيانة المنتج بعد التثبيت، ويجب تقديم هذا الكتاب للمستخدمين.

SAFETY INSTRUCTIONS

Please observe strictly

Ý NGHĨA CÁC KÝ HIỆU

Bảo đảm bạn làm theo những hướng dẫn này

安全指引

请务必遵守

安全指引

請務必遵守

يرجى مراعاتها دائمًا

تعليمات الرموز

The following instructions should be strictly observed in order to prevent injury to the users and other people, or damage to property.

Quan sát thật kỹ các hướng dẫn sau để tránh hư hỏng tài sản hoặc ngăn ngừa tổn thương cho người sử dụng và những người xung quanh.

为避免给您和其他人造成伤害或财产损失, 请务必遵守如下指示说明。 يجب الاهتمام بالتعليمات التالية بعناية لحيلولة دون إصابة المستخدمين.

為避免給您和其他人造成傷害或財產損失, 請務必遵守如下指示說明。 وغيرهم أو تعریض الممتلكات للضرر.

■ The degrees of injury or damage that can be occurred when the instructions are ignored and if the product is not used properly have been classified and described by the following indications.

Các mức độ tổn thương hay hư hỏng có thể xảy ra nếu bỏ qua các hướng dẫn hoặc sử dụng thiết bị không đúng cách sẽ được phân loại và mô tả bằng các dấu hiệu sau.

沒有遵守指示说明或错误地使用时, 所引起的危害或损伤的程度, 用下列符号进行分类、说明。

沒有遵守指示說明或錯誤地使用時, 所引起的危害或損傷的程度, 用下列符號進行分類、說明。

وقد تم تصنیف ووصف درجات الإصابة أو الضرر التي يمكن أن تحدث عند تجاهل التعليمات وعند عدم استخدام المنتج بالشكل المناسب في الإشارات التالية.

Warning
Cảnh báo
警告 警告
تحذير

Those things shown in this column indicate that there is possibility of causing death or severe injury.

Các ký hiệu trong cột này cho biết nguy cơ chết người hay tổn thương nghiêm trọng.

本标志所表示的内容为“可能造成人员重伤或死亡”。

本標誌所表示的內容為“可能造成人員重傷或死亡”。

وهذه الرموز الموضحة في هذا العمود تشير إلى احتمالية حدوث الوفاة أو الإصابة الشديدة.

Caution
Chú ý
注意 注意
الحذر

Those things shown in this column indicate that there is possibility of causing injury to the users or damage.

Các ký hiệu trong cột này cho biết nguy cơ gây tổn thương cho người sử dụng hoặc gây hư hỏng thiết bị.

本标志所表示的内容为“可能造成人员伤害和其他物品损害”。

本標誌所表示的內容為“可能造成人員傷害和其他物品損害”。

وتشير هذه الرموز الموضحة في هذا العمود تشير إلى احتمالية حدوث إصابة إلى المستخدمين أو حدوث أضرار.

■ Types of instructions that should be observed have been classified and described by the following pictorial symbols.

Các nhóm hướng dẫn cần nắm vững đã được phân loại và mô tả bằng các ký hiệu hình ảnh sau.

对务必遵守的内容和种类, 用下列符号进行分类、说明。

وقد تم تصنیف أنواع التعليمات التي يجب أن يتم الالتزام بها وقد تم توضیحها

對務必遵守的內容和種類, 用下列符號進行分類、說明。

من خلال الرموز التصويرية التالية.



This symbol indicates the item is "PROHIBITED" to do.

Ký hiệu này mang ý nghĩa "CAM" thực hiện.

此标志表示为“禁止”事项

此標誌表示為“禁止”事項

هذا الرمز يشير إلى أن فعل هذا الأمر "محظوظ".



This symbol indicates the "COMPULSORY" item that must be followed without failure.

Ký hiệu này mang ý nghĩa "BẮT BUỘC" thực hiện một cách chính xác.

此标志表示为“强制”事项

此標誌表示為“強制”事項

هذا الرمز يشير إلى إجراء "إجباري" يجب أن يتم اتباعه دون تردد.



This symbol indicates the item is "CAUTION".

Ký hiệu này mang ý nghĩa "CHÚ Ý".

此标志表示为提示“注意”事项

此標誌表示為提示“注意”事項

هذا الرمز يشير إلى أن هذا الأمر عبارة عن "تنبيه".

INSTALLATION CAUTIONS

安装注意事项

安装注意事項

HƯỚNG DẪN AN TOÀN KHI LẮP ĐẶT

تعليمات الأمان المتعلقة بالتركيب



Warning

警告

Cảnh báo

警告

تحذير

■ A grounding device is required.

Phải có thiết bị tiếp đất.

必须有接地装置。

必須有接地裝置。

يجب توفير جهاز التأمين.

Product failure or electric leakage may cause electric shock.

Sản phẩm không hoạt động hoặc rò rỉ điện có thể gây giật điện.

当出现故障或漏电时, 可能会触电。

当出現故障或漏電時, 可能會觸電。

تعطل المنتج أو التسرب الكهربائي قد يسبب صدمة كهربائية.

■ Use this product at the rated voltage and frequency indicated on the name plate.

Sử dụng thiết bị với điện áp và tần số quy định ghi trên nhãn thiết bị.

按照铭牌上的额定电压和频率使用本产品。

按照銘牌上的額定電壓和頻率使用本產品。

استخدم هذا المنتج من خلال سطوى الفاطية والترد المحددين والمواضيع في لوحة الاسم.

按照铭牌上的额定电压和频率使用本产品。

按照銘牌上的額定電壓和頻率使用本產品。

可能会损坏本产品或导致火灾。

可能會損壞本產品或導致火災。

هذا قد يؤدي إلى تلف المنتج أو حدوث حريق.

INSTALLATION CAUTIONS (CONTINUED)

安装注意事项 (续)

安裝注意事項 (續)

HƯỚNG DẪN AN TOÀN KHI LẮP ĐẶT (TIẾP TỤC)

تعليمات الأمان المتعلقة بالتركيب (يتبع)



- Do not install the product as the method which is not approved in the instruction.

Không cài đặt sản phẩm theo phương pháp không được chấp thuận trong hướng dẫn.

禁止使用本说明书以外的方法进行安装。

禁止使用本說明書以外的方法進行安裝。

لا تثبت المنتج إلا بالطريقة المعتمدة في التعليمات.

Improper installation may cause the product to fall off.

Lắp đặt sai cách có thể làm sản phẩm rơi ra ngoài.

可能会安装不牢固导致产品掉落。

可能會安裝不牢固導致產品掉落。

قد يؤدي التركيب غير السليم للمنتج إلى سقوطه.

- Do not install it at places where steam is present.

Không lắp tại những nơi có hơi nước.

禁止安装在有蒸汽的场所。

禁止安裝在有蒸汽的場所。

لا يجب التثبيت في الأماكن التي بها بخار.

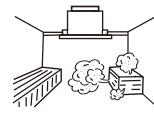
Short circuit may result in fire.

Hiện tượng ngắn mạch có thể gây hỏa hoạn.

可能会短路导致火灾。

可能會短路導致火災。

الماس الكهربائي قد يؤدي إلى حريق.

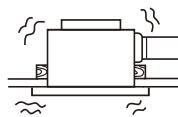


- Install this product securely.

Lắp đặt thiết bị một cách chắc chắn.

牢固地安装产品。

ق بثبيت هذا المنتج بحكام.



Improper installation may cause the product to fall off.

Lắp đặt sai cách có thể làm sản phẩm rơi ra ngoài.

可能会安装不牢固导致产品掉落。

可能會安裝不牢固導致產品掉落。

قد يؤدي التركيب غير السليم للمنتج إلى سقوطه.

- The special-purpose or dedicated parts, such as mounting fixtures, must be used if such parts are provided.

Các bộ phận chuyên dụng hoặc bộ phận có mục đích đặc biệt, chẳng hạn như khung cố định, phải được sử dụng nếu được cung cấp.

有安装五金件等专用零部件时，应使用专用零部件。

有安裝五金件等專用零部件時，應使用專用零部件。

يجب استخدام الأجزاء المخصصة أو ذات الغرض الخاص مثل تركيبات المسند إذا كانت موجودة.

Improper installation may cause the product to fall off.

Lắp đặt sai cách có thể làm sản phẩm rơi ra ngoài.

可能会安装不牢固导致产品掉落。

可能會安裝不牢固導致產品掉落。

قد يؤدي التركيب غير السليم للمنتج إلى سقوطه.

- Do not install the power switch in the bathroom.

Không lắp đặt công tắc nguồn trong phòng tắm.

禁止将电源开关安装在浴室内。

禁止將電源開關安裝在浴室内。

لامس بتركيب مفتاح الكهرباء في الحمام.



Short circuit may result in fire.

Hiện tượng ngắn mạch có thể gây hỏa hoạn.

可能会短路导致火灾。

可能會短路導致火災。

الماس الكهربائي قد يؤدي إلى حدوث حريق.

- Do not install the ventilating fan outside of the window or the wall.

Không lắp đặt quạt thông gió bên ngoài cửa sổ hoặc tường.

禁止将换气扇安装于窗户或墙壁外。

禁止將換氣扇安裝於窗戶或牆壁外。

قد يؤدي التركيب غير السليم للمنتج إلى سقوطه.



Improper installation may cause the product to fall off.

Lắp đặt sai cách có thể làm sản phẩm rơi ra ngoài.

可能会安装不牢固导致产品掉落。

可能會安裝不牢固導致產品掉落。

قد يؤدي التركيب غير السليم للمنتج إلى سقوطه.

- The lowest surface of this product should be mounted above 2.3m from the floor after installation.

Malaysia market: The lowest surface of this product should be mounted above 2.5m from the floor after installation.

Đảm bảo quạt thông gió này được lắp đặt sao cho cánh cao hơn mặt sàn 2,3m.

Đối với thị trường Mã Lai: Đảm bảo quạt thông gió này được lắp đặt sao cho cánh cao hơn mặt sàn 2,5m.

安装之后，本产品的最低面至地面距离不得小于2.3m。
马来西亚市场：安装之后，本产品的最低面至地面距离不得少于2.3m。

安装之後，本產品的最低面至地面距離不得小於2.3m。
馬來西亞市場：安裝之後，本產品的最低面至地面距離不得少於2.3m。

ويجب أن يتم تركيب السطح السفلي لهذه المروحة على ارتفاع يزيد على 2.3 متراً من سطح الأرض بعد التركيب.

ماليزيا السوق : ويجب أن يتم ترأب السطح السفلي لهذه المروحة على ارتفاع يزيد على 2.5 متراً من سطح الأرض بعد التركيب.



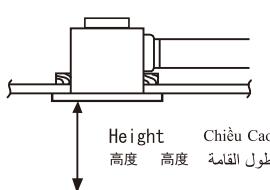
Touching the product may result in injury.

Chạm vào sản phẩm có thể làm bạn bị thương.

可能会触碰到产品导致受伤。

可能會觸碰到產品導致受傷。

لمس المنتج قد يتسبب في وقوع إصابات.





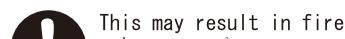
- Precautions must be taken to avoid the back-flow of gases into the room from the open-flue of gas or other fuel-burning appliances.

Phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa tránh khí đốt lưu chuyển ngược vào phòng từ họng khí hoặc từ các thiết bị đốt nhiên liệu khác.

必须避免气体从敞开的气道或其他明火设备回流进入房间。

必須避免氣體從敞開的氣道或其他明火設備回流進入房間。

و يجب توخي الحذر لتجنب دخول التدفق الخلفي للغازات إلى الغرفة من خلال مدخنة الغاز المفتوحة أو من خلال أجهزة حرق الوقود الأخرى.



This may result in fire.

Điều này có thể gây cháy.

可能会导致火灾。

可能會導致火災。

قد يتسبب هذا في الحريق.

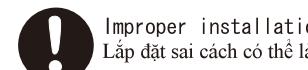
- This fan must be installed by qualified technician.

Quạt thông gió này phải được kỹ thuật viên dày dặn kinh nghiệm lắp đặt.

此换气扇必须由有资格的专业人员进行安装。

此換氣扇必須由有資格的專業人員進行安裝。

يجب أن يقوم شخص فني مؤهل بتركيب هذه المرروحة.



Improper installation may cause the product to fall off.

Lắp đặt sai cách có thể làm sản phẩm rơi ra ngoài.

可能会安装不牢固导致产品掉落。

可能會安裝不牢固導致產品掉落。

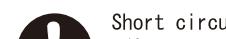
قد يؤدي التركيب غير السليم للمنتج إلى سقوطه.

- Use a device for disconnection from the supply, which having a contact separation of at least 3 mm in all poles (switch), which must be incorporated in the fixed wiring in accordance with the local electrical wiring rules.

Phải sử dụng thiết bị ngắt nguồn, có các cực cách nhau tối thiểu 3mm và đi dây theo quy định nước sở tại.

在安装时，必须按照当地电气配线的规定，在固定配线线路中安装其触点开距不小于3mm的全极断开装置(全极开关)。在安装時，必須按照當地電氣配線的規定，在固定配線線路中安裝其觸點開距不小於3mm的全極斷開裝置(全極開關)。

استخدم جهاز لفصل من التيار، له فصل اتصال على الاقل 3 مم في المفتاح مزدوج القطبية، و الذي يجب ان يدمج في توزيع الاسلاك الثابت وفقا لقواعد توزيع الاشلاك الكهربائية المحلية.



Short circuit may result in fire.

Hiện tượng ngắn mạch có thể gây hỏa hoạn.

可能会短路导致火灾。

可能會短路導致火災。

الماس الكهربائي قد يؤدي إلى حدوث حريق.



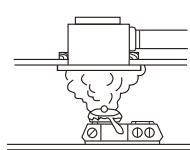
- Do not install this product in places with excessive oil mist.

Không lắp đặt thiết bị ở nơi có quá nhiều hơi dầu mỡ.

禁止安装在油烟过多的场所。

禁止安裝在油煙過多的場所。

لائمق هذا المنتج في الأماكن التي يوجد فيها أدخنة.



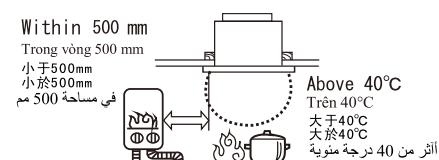
- Do not install this product in places near high temperature.

Không lắp đặt thiết bị ở nơi có nhiệt độ cao.

禁止安装在高温场所。

禁止安裝在高溫場所。

لامق هذا المنتج في الأماكن التي تتميز بارتفاع درجة حرارتها.



Within 500 mm

Trong vòng 500 mm

小于500mm

少於500mm

mu

في مساحة

Above 40°C

Triên 40°C

大于40°C

大於40°C

after 40 degree

超过40度

اكثر من 40 درجة مئوية

超過40度

大於40度

超过40度

大於40度

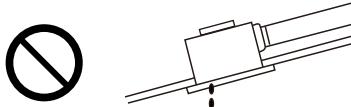
Caution
注意Chú ý
注意
الحذر

- Do not install this product on an inclined ceiling.
Không lắp đặt sản phẩm này trên tường nhà bị nghiêng.

禁止安装在倾斜的天花板上。

禁止安裝在傾斜的天花板上。

لا تثبت هذا المنتج على سقف مائل.



Rainwater may flow back into the room.

Nước mưa có thể chảy ngược lại vào phòng.

可能会引起雨水倒流到室内。

可能會引起雨水倒流到室內。

مياه الأمطار قد تتدفق للخلف إلى الغرفة.

- Make sure there is a square inspection hole of at least 45 cm.

Luôn chứa lỗ kiểm tra với độ rộng tối thiểu 45 cm.

请设置一个45cm以上的方形检查口。

請設置一個45cm以上的方形檢查口。

تحقق من توفر فتحة فحص مربعة لا تقل عن 45 سم



This may make installation and maintenance difficult.

Điều này có thể khiến công tác lắp đặt và bảo dưỡng gặp khó khăn.

可能会给安装、维修带来不便。

可能會給安裝、維修帶來不便。

هذا قد يجعل عملية التركيب والصيانة أمرًا صعباً.

- Make sure that the parts are installed securely.

Bảo đảm các chi tiết được siết chặt.

部品安装必须牢固。

部品安裝必須牢固。

تأكد من تثبيت الأجزاء بشكل آمن.



Parts may fall off.

Các chi tiết có thể bị rơi ra.

部品可能会掉落。

部品可能會掉落。

قد تقع الأجزاء.

- Installation regulation concerning local requirement should be fulfilled.

Cần thực hiện các quy định lắp đặt theo yêu cầu của địa phương.

请依照本地执法部门或相关机构的要求及规则安装此产品。

請依照本地執法部門或相關機構的要求及規則安裝此產品。

يجب أن يتم الوفاء بقواعد التثبيت فيما يتعلق بالمتطلبات المحلية.



This may damage the product's structure and decrease its safety.

Điều này có thể làm hỏng cấu trúc sản phẩm hoặc làm giảm mức độ an toàn của sản phẩm.

可能会损坏本产品的结构和安全性。

可能會損害本產品的結構和安全性。

هذا قد يؤدي إلى تلف هيكل المنتج وتقليل مستوى سلامته.

- To install the duct, avoid the following cases.

Không bê các ống dẫn như thế này.

安装导风管应该避免以下情况。

安裝導風管應該避免以下情況。

لا تجعل الأنابيب يأخذ الشكل الموضح في الشكل أدناه.



This may affect product performance.

Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của sản phẩm.

可能会降低产品性能。

可能會降低產品性能。

قد يؤثر هذا على أداء المنتج.

- Be sure to provide an appropriate opening for air intake.

Đảm bảo khoảng không gian thích hợp để hút gió.

请设置通风口。

請設置通風口。

تحقق من توفير فتحة مناسبة لامتصاص الهواء.



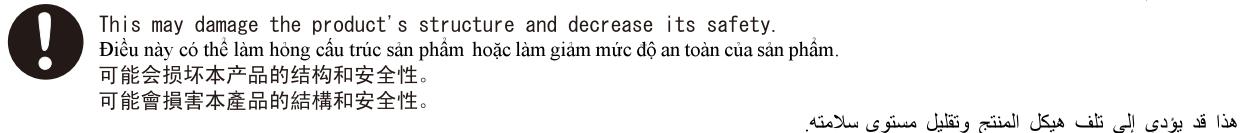
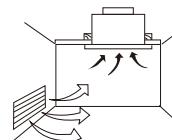
This may affect the ventilation performance of the product.

Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động thông gió của sản phẩm.

可能会影响产品排气效果。

可能會影響產品排氣效果。

قد يؤثر هذا على أداء التهوية في المنتج.



PART NAME AND DIMENSIONS

部品名称和尺寸

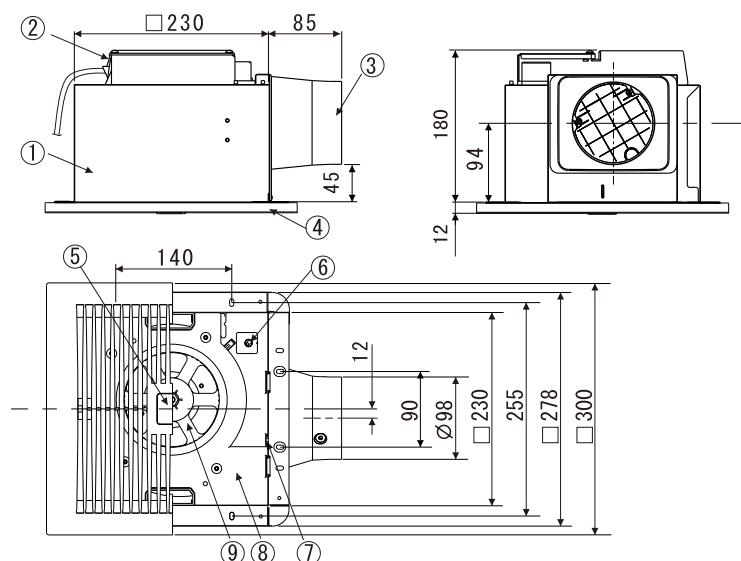
TÊN CÁC CHI TIẾT VÀ KÍCH THƯỚC

部品名稱和尺寸

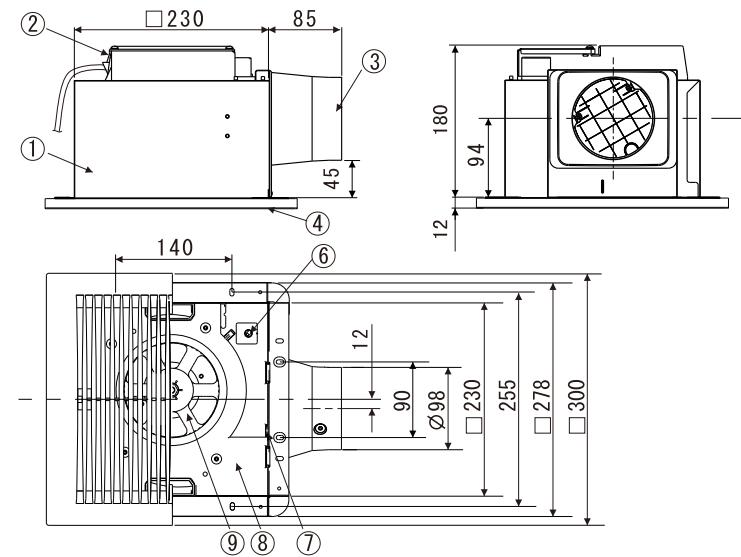
أسماء الأجزاء والأبعاد

Unit: mm
Đơn vị: mm
单位: mm
單位: mm
وحدة: مم

24JRB



24JAB



Duct Size Kích thước ống 管道尺寸 管道尺寸 حجم الأنابيب
Ø 100

No.	Part name Tên bộ phận	名称 名稱 اسم جزءی	No.	Part name Tên bộ phận	名称 名稱 اسم جزءی	No.	Part name Tên bộ phận	名称 名稱 اسم جزءی
①	Fan body Thân quạt	机体 機體 جسم المروحة	②	Wiring box Hộp chức năng	接线盒 接線盒 صندوق المفraq	③	Adapter assembly Ông tiếp hợp	接头组合 接頭組合 تجميع المغول
④	Louver Cửa gió	百叶窗 百葉窗 شیكة التهوية	⑤	Sensor unit (For 24JRB Model) Bộ cảm biến (Dùng cho kiểu 24JRB) (對於 24JRB 型號) وحدة جهاز الاستشعار (النطراز 24JRB)	感应器单元 (对于 24JRB 型号) 感應器單元 (對於 24JRB 型號) وحدة جهاز الاستشعار (النطراز 24JRB)	⑥	Air volume switch Công tắc chỉnh lưu lượng gió	风量开关 風量開關 مقفل مقدار الهواء
⑦	Hexagon screw Vít lục giác	六角螺丝 六角螺絲 المسامار السادس	⑧	Orifice Tâm chấn trước mặt	面罩 面罩 وافي الوجه	⑨	Blade Cánh quạt	扇叶 扇葉 شفرة المروحة

SUPPLIED ACCESSORIES

包装附件清单

PHỤ KIỆN ĐI KÈM

包裝附件清單

الملحقات المرفقة

The following accessories are provided with the ventilating fan in the package. When you unpack, check if the accessories are all included. If any accessory is missing, please contact the dealer.

Các phụ kiện sau được đóng gói chung với quạt thông gió. Khi mở bao bì, hãy kiểm tra xem các phụ kiện này đầy đủ chưa Nếu chưa vui.
Lòng liên hệ với nhà phân phối của quý vị.

随换气扇产品包装箱有以下附件，开箱后请清点是否齐全。若不齐全，请与当地经销商联系。

隨換氣扇產品包裝箱有以下附件，開箱後請清點是否齊全。若不齊全，請與當地經銷商聯繫。

يتم توفير الملحقات المذكورة أدناه مع مروحة التهوية في العبوة. عندما تخرج المنتج من عبوته، تتحقق من وجود الملحقات. وإذا لم تتوفر الملحقات، فاتصل بالموزع.

Appearance Phụ kiện kèm theo 图样 圖樣	Name and Purpose 名称及用途	Tên gọi và Mục đích sử dụng 名稱及用途	Quantity Số lượng 数量 數量
	Installation and Operating Instructions Huống dẫn Lắp đặt và Vận hành 安装使用说明书	تعليمات التركيب والتشغيل والصيانة 安裝使用說明書	1
ST4. 2 x 20	Tapping screw (ST4. 2x20) fixing the body assembly and the adapter assembly to the wooden frame Vít đầu côn (ST4.2x20) cố định bộ hợp thân máy và bộ tiếp hợp lên khung gỗ 固定机体组合和接头组合到木框的自攻螺丝 (ST4. 2x20) 固定機體組合和接頭組合到木框的自攻螺絲 (ST4. 2x20) 梅瑟尔的 (ST4.2x20) يقون بثبيت مجموعة الجسم ومجموعة المحول في الإطار الخشبي		6
	Louver (24JRB model's louver is connected with fan body) Cửa gió (Cửa gió kiểu 24JRB được gắn với thân quạt) 百叶窗 (24JRB 型号的百叶窗与机体相连) 百葉窗 (24JRB 型號的百葉窗與機體相連)	شبكة التهوية (شبکة التهوية طراز 24JRB متصل بجسم المروحة)	1
	Louver (For 24JAB Model) Cửa gió (Dùng cho kiểu 24JAB) 百叶窗 (对于 24JAB 型号) 百葉窗 (對於 24JAB 型號)	شبكة التهوية (الطراز 24JAB)	1

HOW TO INSTALL

安装方法

安裝方法

CÁCH LẮP ĐẶT

طريقة التركيب

■ Installation illustrations are based on the 24JRB model.

Minh họa lắp đặt này dùng cho kiểu 24JRB .

安装图示以24JRB为例。

安装圖示以24JRB為例。

تعتمد الصور التوضيحية للتركيب على طراز 24JRB .



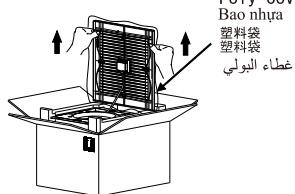
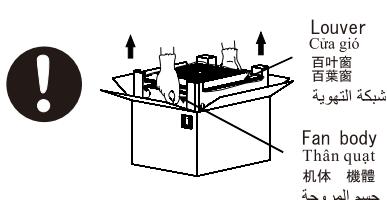
■ When you unpack and take out the product, be sure to take out the louver and the fan body together, because the sensor lead wire is connected between the louver and the fan body.

Khi bạn mở thùng và lấy sản phẩm, cần chú ý nhắc cửa gió và thân quạt ra cùng lúc vì cửa gió và thân quạt được nối với nhau bằng dây cảm biến.

拆开包装时取出产品时, 由于百叶窗和机体间有感应器引线连接, 请务必把百叶窗和机体一起取出。

拆開包裝時取出產品時, 由於百葉窗和機體間有感應器引線連接, 請務必把百葉窗和機體一起取出。

عندما يمكنك فك وابراج المنتج, كن متأكداً من إخراج الكوة وجسم المروحة لأن سلك توصيل الحساس موصّل بين الكوة وجسم المروحة.



The sensor lead wire or the louver may be damaged.
Điều này có thể làm hỏng dây cảm biến hoặc cửa thông hơi.

可能会损害感应器引线或百叶窗。
可能會損害感應器引線或百葉窗。
 هذا قد يؤدي إلى تلف سلك توصيل الحساس أو الكوة.



- Be sure not to add any tension on the sensor lead wire between the louver and the fan body when installing this fan.

Khi bạn lắp đặt quạt, không kéo phần dây cảm biến giữa cửa gió và thân quạt.

安装换气扇时, 请勿施加拉力于百叶窗和机体之间的感应器引线。

安裝換氣扇時, 請勿施加拉力於百葉窗和機體之間的感應器引線。

عند تثبيت هذه المروحة، لا تسحب سلك توصيل الحساس الواصل بين الكوة وجسم المروحة.



The sensor lead wire or the louver may be damaged.

Điều này có thể làm hỏng dây cảm biến hoặc cửa gió.

可能会损害感应器引线或百叶窗。

可能會損害感應器引線或百葉窗。

هذا قد يؤدي إلى تلف سلك توصيل الحساس أو الكوة.

- When install the fan, be careful not to be struck by the hanging louver.

Khi bạn lắp quạt, hãy cẩn thận để không bị phần cửa gió đang treo ở trên va vào.

在安装换气扇时, 请注意避免被悬挂着的百叶窗撞击。

在安裝換氣扇時, 請注意避免被懸掛著的百葉窗撞擊。

عند تثبيت المروحة، يجب توخي الحذر لعدم الإصابة من فتحة التهوية المعلقة.



This may cause injury or damage the louver.

Chạm vào sản phẩm có thể làm bạn bị thương hoặc làm hỏng cửa gió.

可能会导致受伤或损伤百叶窗。

可能會導致受傷或損傷百葉窗。

لمس المنتج قد يتسبب في الإصابة أو تلف الكوة.

- Do not take out the louver from the poly cover before install it.

Không lấy cửa gió ra khỏi túi nhựa trước khi lắp đặt.

在安装百叶窗前, 请不要把百叶窗从塑料袋中取出。

在安裝百葉窗前, 請不要把百葉窗從塑料袋中取出。

لا قم بإزالة فتحة التهوية من كيس البلاستيك قبل تثبيتها.



The dirt may adhere to the louver or damage may be caused.

Chất bẩn có thể bám dính vào hoặc có thể gây hỏng hỏng.

可能会有灰尘附着或损伤。

可能會有灰塵附著或損傷。

قد تلتصق بها الأوساخ أو قد يلحقها أي ضرر.

1

Preparations

安装前准备

安装前準備

Chuẩn bị الاستعدادات

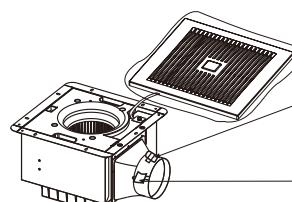
- Peel off the caution label and screws accessory sticked on the adapter assembly.

Gỡ nhãn chú ý và phụ kiện vít đính trên ống tiếp hợp.

撕掉粘在接头组合上的注意纸和螺丝附件包。

撕掉黏在接頭組合上的注意紙和螺絲附件包。

اززع علامة التحذير و ملحق البراغي المثبت على مجموعة المحول.



Screws accessory

Phụ kiện vít

螺丝附件包

ملحق البراغي

Caution label

Nhãn chú ý

注意纸

علامة التنبية

→ 2

2-A Fan Body Installation (with wooden joist)

机体安装 (使用木框架)

機體安裝 (使用木框架)

Lắp đặt thân quạt (có khung gỗ) ثبت جسم المروحة (بعارضة خشبية)

- ① Build a wooden frame horizontally from the wooden joist. Note that the distance between the top of the fan body and the ceiling should be at least 20mm.

Lấy các thanh gỗ làm thành một cái khung. Lưu ý rằng khoảng cách tối thiểu giữa phần trên của thân quạt và trần nhà là 20 mm.

在木造天花板上水平地搭建木框架。注意应保持机体顶部和天花的距离不少于20mm。

在木造天花板上水平地搭建木框架。注意應保持機體頂部和天花的距離不少於20mm。

قِبَّلِ بِنَاءِ اطْرَافِ خَشْبِيِّ يَشْكُلُ رَأْسِيِّ مِنِ الْعَارِضَةِ الْخَشْبِيَّةِ. لَاظْهَرْ أَنَّ الْمَسَافَةَ بَيْنِ

قمة جسم المروحة والسلف يجب أن تقل عن 20 مم.

- ② Keep the power cord above the fan body, then insert the fan body to the wooden frame as shown in the figure and firmly secure the fan body with six tapping screws (ST4x20).

Dây điện đi vào quạt phải nằm cao hơn thân quạt, sau đó lồng thân quạt vào khung gỗ như hình vẽ và dùng sáu con vít vặn để gắn chặt thân quạt (ST4.2x20).

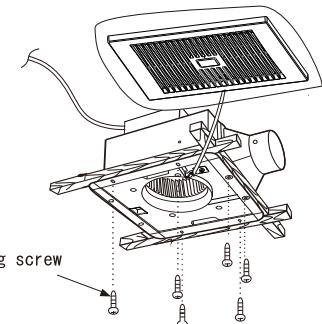
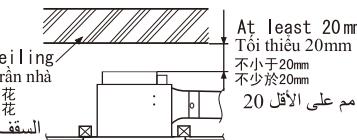
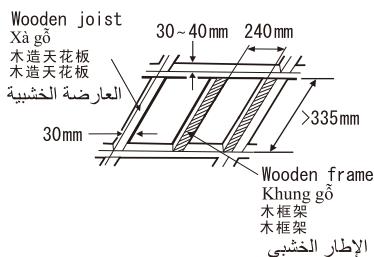
如图所示, 保持电源线高于机体并把产品放入木框架中, 然后用自攻螺丝 (ST4.2x20) (6颗) 将机体牢固地固定起来。如圖所示, 保持電源線高於機體並把產品放入木框架中, 然後用自攻螺絲 (ST4.2x20) (6顆) 將機體牢固地固定起來。

أيقن سلك التيار فوق جسم المروحة, ثم أدخل الطرف في الإطار الخشبي كما هو موضح في الشكل, وثبت جسم المروحة بإحكام من خلال ستة براغي (ST4.2x20).

2-A Fan Body Installation (with wooden joist)

机体安装 (使用木框架)

機體安裝 (使用木框架)

Lắp đặt thân quạt (có khung gỗ)
ثبت جسم المروحة (بعارضة خشبية)

- Wooden joist and wooden frame must be subjected to static load more than five times the weight of the product.
Dầm trần phải chịu tải trọng tĩnh hơn năm lần trọng lượng của sản phẩm.
木造天花板和木框架必须能承受大于本产品的5倍重量。
木造天花板和木框架必須能承受大於本產品的5倍重量。
 يجب أن تُخضع عارضة السقف لتحميل ثابت أكبر خمس مرات من وزن المنتج.

Tapping screw
Vít vắn
自攻螺丝
自攻螺絲
السمار الملوب
(ST4.2 x 20)

→ 3

2-B Fan Body Installation (with anchor bolts)

机体安装 (使用地脚螺栓)

機體安裝 (使用地腳螺栓)

Lắp đặt Thân quạt (với các bu lông treo)

- Secure the suspension bracket FV-KB021C (not supplied) with screws.

Gắn chặt các quai treo FV-KB021C (không kèm theo) bằng các con vít.
用螺钉固定悬掛托架 FV-KB021C (需另购)。
用螺釘固定懸掛托架 FV-KB021C (需另購)。

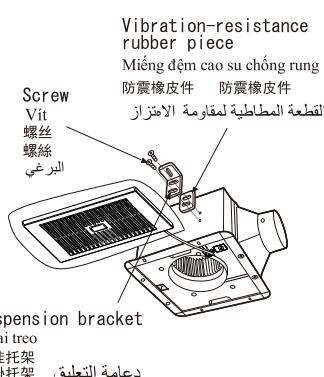
قم بإحكام ثبيت دعامة التعليق FV-KB021C (غير مرفق) باستخدام البراغي.

- Be sure to use the screws in the FV-KB021C package.

Bảo đảm sử dụng các con vít trong gói FV-KB021C.

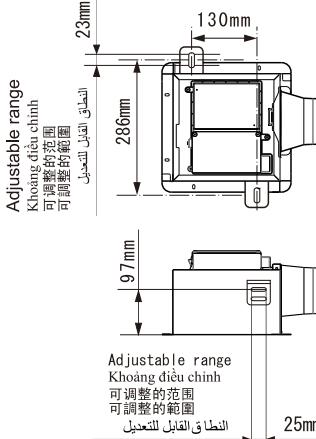
请务必使用FV-KB021C组件包内的螺丝。
請務必使用FV-KB021C組件包內的螺絲。

تأكد من استخدام المسامير في حزمة FV-KB021C



- Suspension bracket Position

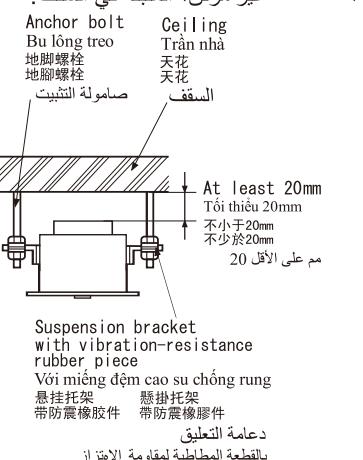
Vị trí quai treo
悬挂托架部位
懸掛托架部位
موضع دعامة التعليق



- Mount the fan body enclosure on the anchor bolts (M8-M10, not supplied).

Gắn thùng thân quạt vào các bu lông treo (M8-M10, không kèm theo).
将机体安装在地脚螺栓上 (M8-M10, 需另购)。
將機體安裝在地腳螺栓上 (M8-M10, 需另購)。

قم تركيب سياج المروحة على صواميل المثبتة في السقف.
M8-M10 (غير مرفق)



- Note that the distance between the top of the fan body and the ceiling should be at least 20 mm.

Lưu ý rằng khoảng cách tối thiểu giữa phần trên của thân quạt và trần nhà là 20 mm.

注意应保持机体顶部和天花的距离不少于20mm。

注意應保持機體頂部和天花的距離不少於20mm。

لاحظ أن المسافة بين قمة جسم المروحة والسقف يجب ألا تقل عن 20 مم.

→ 3

HOW TO INSTALL (CONTINUED)

安装方法(续)

CÁCH LẮP ĐẶT (TIẾP TỤC)

طريقة التركيب (يتبع)

Fan Body Installation (Install the adapter assembly first)

2-C 机体安装(先安装接头组合) 機體安裝(先安裝接頭組合)

- ① First remove the hexagon screw attaching the adapter assembly to the fan body.

Đầu tiên hãy tháo vít lục giác nối ống tiếp hợp với thân quạt.

先取下固定接头组合和机体的一颗六角螺丝。

先取下固定接頭組合和機體的一顆六角螺絲。

انزع أولاً المسamar السادساني الموصل بين

تجبيع المهايي و جسم المروحة .

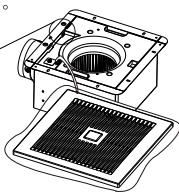
Remove the hexagon screw

Tháo vít lục giác

取下六角螺丝

取下六角螺絲

انزع المسamar السادساني



- ③ Build a wooden frame horizontally from the wooden joist.

Note that the distance between the top of the fan body and the ceiling should be at least 20mm.

Lấy các thanh gỗ làm thành một cái khung. Lưu ý rằng khoảng cách tối thiểu giữa phần trên của thân quạt và trần nhà là 20mm.

在木造天花板上水平地搭建木框架。注意應保持机体顶部和天花的距离不少于20mm。

在木造天花板上水平地搭建木框架。注意應保持機體頂部和天花的距離不少於20mm。

قم ببناء إطار خشبي بشكل رأسى من العارضة الخشبية. لاحظ أن المسافة بين

قمة جسم المروحة والسلف يجب أن تقل عن 20 م.



- Wooden joist and wooden frame must be subjected to static load more than five times the weight of the product.

Dầm trần phải chịu tải trọng tĩnh hơn năm lần trọng lượng của sản phẩm.

木造天花板和木框架必须能承受大于本产品的5倍重量。

木造天花板和木框架必須能承受大於本產品的5倍重量。

يجب أن تخضع عارضة السقف لتحميل ثابت أكبر خمس مرات من وزن المنتج.

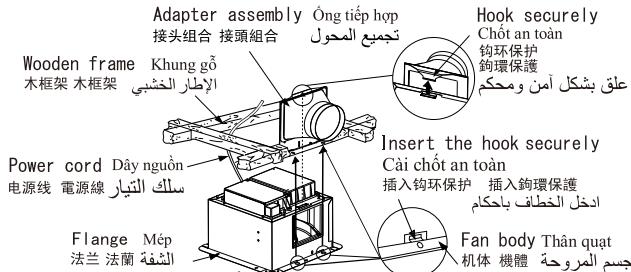
- ⑤ Keep the power cord above the fan body, then insert the fan body in the wooden frame, and connect it to the adapter assembly.

Dây nguồn phải cao hơn thân quạt, sau đó lồng thân quạt lên khung gỗ và gắn nó với ống tiếp hợp.

保持电源线高于机体并把产品放入木框架中，然后将机体与接头组合连接起来。

保持電源線高於機體並把產品放入木框架中，然後將機體與接頭組合連接起來。

أيق سلك التيار فوق جسم المروحة، ثم أدخل جسم المروحة في الإطار الخشبي، ثم قم بتوصيله في مجموعة المحول.



- Ensure that the power cord completely passes through the wooden frame, lest the fan body and wooden frame would clamp to damage the power cord.

Bảo đảm dây điện nguồn hoàn toàn được luồn qua khung gỗ để phân thân quạt và khung không kẹp chặt gây hư hỏng dây điện.

Lắp đặt thân quạt (lắp đặt ống tiếp hợp trước)

تركيب جسم المروحة (قم بترأب وتحميي أجزاء المروحة أولاً)

- ② Remove the adapter assembly by following Steps 1 and 2 as shown in the figure.

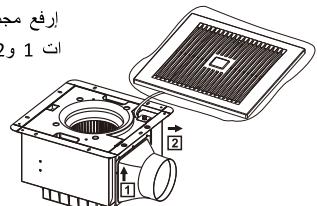
Tháo bộ tiếp hợp theo các Bước 1 và 2 như trong hình.

按图示步骤1和步骤2拆下接头组合。

按圖示步驟1和步驟2拆下接頭組合。

ارفع مجموعة المحول باتباع الخطو

ات 1 و 2 كما هو مبين في الشكل.



- ④ Install the adapter assembly by clinging to the wooden frame as shown in the figure, and fix the adapter assembly to the wooden frame with two tapping screws (ST4. 2x20).

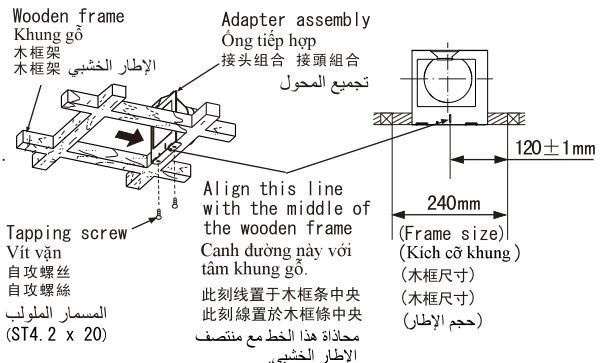
Lắp bộ tiếp hợp bằng cách áp vào khung gỗ như hình bên và gắn bộ tiếp hợp vào khung gỗ bằng hai con vít đầu côn (ST4.2x20).

按图示将接头组合贴紧木框安装。并用自攻螺丝 (ST4. 2x20) (2颗) 将接头组合固定在木框上。

按圖示將接頭組合貼緊木框安裝。並用自攻螺絲 (ST4. 2x20) (2顆) 將接頭組合固定在木框上。

ثبتت مجموعة المحول بواسطة الربط في الإطار الخشبي كما هو مبين في الشكل.

. وثبتت مجموعة المحول في الإطار الخشبي باثنين من مسامير الربط (ST4.2x20)



- If the adapter line does not align with the middle of the wooden frame, you may not be able to install the fan body onto the adapter assembly.

Nếu đường tiếp hợp không canh thẳng với tâm khung gỗ, bạn có thể không lắp được thân quạt lên bộ tiếp hợp.

若接头刻线没有置于木框条中央，机体可能会无法装配到接头组合上。

若接頭刻線沒有置於木框條中央，機體可能會無法裝配到接頭組合上。



إذا كان خط المحول لا يجذب منتصف الإطار الخشبي، فقد لا تكون قادرًا على تثبيت جسم المروحة على مجموعة المحول.

请确保电源线完全穿过木框，以免机体与木框夹伤电源线。

請確保電源線完全穿過木框，以免機體與木框夾傷電源線。

تأكد من أن سلك الطاقة يمر بالكامل من خلال الإطار الخشبي، خشية أن يتسبب

تشابك جسم المروحة والإطار الخشبي في نفف سلك الطاقة.

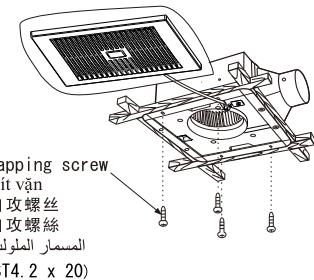
- ⑥ Secure the fan body with four tapping screws (ST4.2x20).

Siết chặt thân quạt bằng bốn vít đầu côn (ST4.2x20).

用自攻螺丝 (ST4.2x20) (4颗) 将机体牢固地固定起来。

用自攻螺絲 (ST4.2x20) (4顆) 將機體牢固地固定起來。

ثبيت جسم المروحة باربعة من مسامير الربط (ST4.2x20).



- ⑦ Tighten the hexagon screws fixing the fan body to the adapter assembly with a screwdriver.

Siép các con vít lục giác bằng tua-vít để cố định thân quạt vào bộ tiếp hợp.

用螺丝刀把六角螺丝将机体与接头结合牢固地固定起来。

用螺絲刀把六角螺絲將機體與接頭組合牢固地固定起來。

ربط المسامير السادسية التي تثبت جسم المروحة في مجموعة المحول بمفك البراغي.

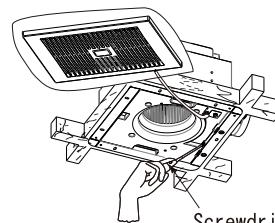
- Upon installation, check that the fan body and adapter assembly are installed securely.

Khi lắp đặt, kiểm tra bảo đảm thân quạt và bộ tiếp hợp được lắp chắc chắn.

安装完成后请确认机体与接头是否安装牢固。

安裝完成後請確認機體與接頭是否安裝牢固。

عند التثبيت، يجب التأكيد من أن جسم المروحة ومجموعة المحول مثبت بشكل آمن.



3 Power Cord Connection

电源线连接

電源線連接

Nối dây với nguồn điện

وصليل سلك التيار

Connect the power cord to the power supply line according to the wiring diagram and the local electrical wiring rules of fixed wiring.

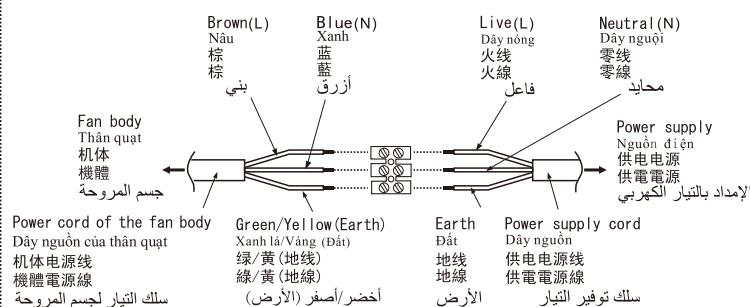
Nối dây nguồn với nguồn điện theo đúng sơ đồ dây nối và các quy cách đi dây cố định của địa phương.

根据电气原理图和当地电气配线法规中关于固定接线的规定，将电源线连接到供电线路中。

根據電氣原理圖和當地電氣配線法規中關於固定接線的規定，將電源線連接到供電線路中。

قم بتوصيل سلك التيار بخط توفير التيار وفقاً للرسم البياني للاسلاك الكهربائية المحلية للاسلاك الثابتة.

24JRB



- Make sure all connections are fastened firmly after wiring is finished.

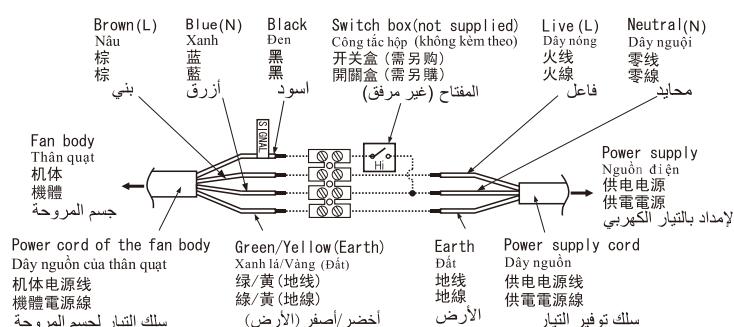
Bảo đảm tất cả các điểm nối được định vị chắc chắn sau khi đã đi dây xong.

在电源线连接完成后请确保所有连接都已牢固地固定。

在電源線連接完成後請確保所有連接都已牢固地固定。

تأكد من ان الوصلات مربوطة بحزم بعد الانتهاء من توزيع الأسلامك.

24JAB



- It is required to use terminal (not supplied) that complies IEC 60998.

Yêu cầu sử dụng các đầu bấm (không kèm theo) theo tiêu chuẩn IEC 60998.

要求使用符合IEC60998的接线端子座(需另购)。

要求使用符合IEC60998的接線端子座(需另購)。

يُطلب استخدام طرف (غير مرفق) يستجيب لـ 60998 IEC.

- The all connections should be accommodated in a suitable compartment.

Tất cả các điểm đấu nối phải nằm gọn trong hộp chửa.

所有的连接必须容纳在合适的隔间内。

所有的連接必須容纳在合適的隔間內。

يجب أن يتم وضع كل الوصلات في غرفة مناسبة.

4 Duct Connection and Joist Plate Installation

管道连接和天花板嵌板的安装

管道連接和天花板嵌板的安裝

Lắp đặt Ống dẫn và Tấm trần
وتحصيل الأنابيب وتنبيت لوحة السقف

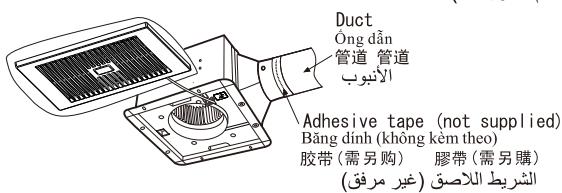
- ① Insert the duct into the adapter assembly, and tighten it with adhesive tape (not supplied). (Suspend the duct from the ceiling to prevent any external force onto the fan body.)

Dưa ống dẫn vào ống tiếp hợp, quấn lại băng dính (không kèm theo). (Treo ống lên trần nhà để tránh tác động của bên ngoài lên thân quạt.)

将管道装入接头组合，然后用胶带(需另购)扎紧。
(将管道悬挂在天花板上，以防止外力施加于机体上。)

将管道装入接頭組合，然後用膠帶(需另購)紮緊。
(將管道懸掛在天花板上，以防止外力施加於機體上。)

ق بداخل الأنابيب في مجموعة المحوول وقم بتنبيته باستخدام الشريط اللاصق
(غير مرفق). قم بتعليق الأنابيب من السقف للحيلولة دون وجود أي قوة خارجية
على جسم المروحة.



- ③ Install the pipe hood or vent cap (not supplied) on the outer wall.

Lắp đặt chụp ống hoặc nắp thông gió (không kèm theo) bên ngoài tường.

将管罩或管盖(需另购)安装到墙外。

將管罩或管蓋(需另購)安裝到牆外。

قم تركيب غطاء الأنابيب او غطاء فتحة (غير مرفق) على الحائط الخارجي.

Pipe hood 管罩	Chup ống غطاء الأنابيب	Vent cap Nắp thông gió 管盖 管蓋 غطاء الفتحة
MCX100K		VCX100K

- ② Install the joist plate. Note that the gap between the flange and the joist plate should be 2 to 5 mm. Lắp đặt tấm trần. Lưu ý khoảng hở giữa mép quạt và tấm trần phải từ 2 đến 5 mm.

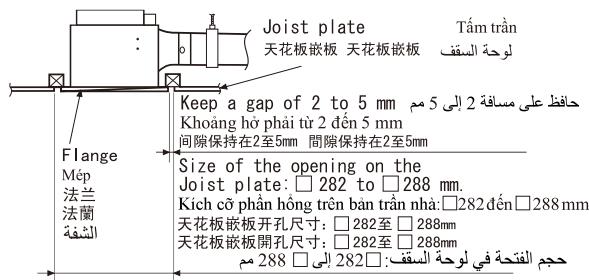
安装天花板嵌板，将法兰与天花板嵌板的间隙保持在2至5mm范围内。

安装天花板嵌板，將法蘭與天花板嵌板的間隙保持在2至5mm範圍內。

قم بتثبيت لوحة السقف. لاحظ أن المسافة بين الشفة ولوحة السقف يجب أن تترواح بين 2 إلى 5 مم.

安裝天花板嵌板，將法蘭與天花板嵌板的間隙保持在2至5mm範圍內。

قم بتثبيت لوحة السقف. لاحظ أن المسافة بين الشفة ولوحة السقف يجب أن تترواح بين 2 إلى 5 مم.



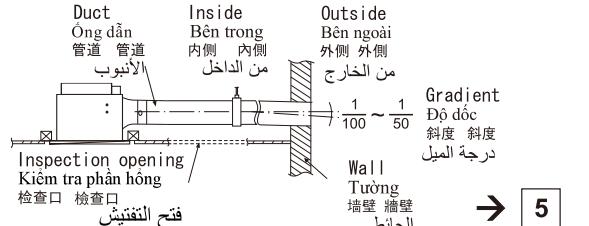
- Slope the duct downward and guide it through the wall to the outside. Be sure to prevent rainwater from falling in the duct from its outlet. (The minimum size of the opening on the wall is: Ø 116mm)

Hướng ống nghiêng xuống và đẩy qua tường ra bên ngoài. Bảo đảm rằng nước mưa không rơi vào ống dẫn qua miệng ống. (Kích thước lỗ thông tường tối thiểu là: Ø 116mm)

将管道水平向下倾斜地安装到外侧，其出口应设置在能避免雨水进入的地方（墙壁的最小开口为Ø 116mm）。

将管道水平向下倾斜地安装到外側，其出口應設置在能避免雨水進入的地方（牆壁的最小開口為Ø 116mm）。

قم بتثبيت الأنابيب لأسفل، وادفعه منفتحة على الخارج. تحقق من منع سقوط ماء المطر في الأنابيب من منفذه. (الحد الأدنى لحد الفتحة على الحائط مي: Ø 116mm)



5 Louver Installation

百叶窗的安装

百葉窗的安裝

Lắp đặt cửa gió

تركيب شق التهوية

- ① Take off the poly cover before installing the louver and please wear gloves during the louver installation.

Tháo bao nhựa ra trước khi lắp đặt cửa gió và phải đeo găng tay trong khi lắp đặt cửa gió.

安装百叶窗前请取下塑料袋。请佩戴手套安装。

安装百葉窗前請取下塑膠袋。請佩戴手套安裝。

- ② First, insert the mounting spring 1 into the slot near the switch knob as shown in the figure.

Đầu tiên lồng dây lò xo 1 vào khe lò xo gần chốt cài như hình vẽ.

首先，如图所示安装靠近开关旋钮的固定弹簧1到弹簧卡槽。

首先，如圖所示安裝靠近開關旋鈕的固定彈簧1到彈簧卡槽。

قم أولاً بإدخال زنبرك التركيب 1 في الفتحة المجاورة لمقبض التحويل كما هو موضح في الشكل.

- ③ Adjust the air volume switch by following the switch indication on Page 14.

Điều chỉnh công tắc khôi lượng khí bằng cách làm theo các hướng dẫn về công tắc ở Trang 14.

请参考第14页开关指示，调节风量开关档位。

請參考第14頁開關指示，調節風量開關檔位。

■ Air volume switch positions

Các vị trí của công tắc cài đặt lưu lượng gió

风量开关档位

風量開關檔位

أوضاع مفتاح درجة الهواء

Air Volume Lưu lượng gió (m ³ /h) 風量 風量 مستوى الهواء	▼	0	80	120	160
Initial setting: 80 m ³ /h Thiết lập ban đầu: 80 m ³ /h 出厂预设: 80 m ³ /h 出廠預設: 80 m ³ /h الوضع الأولي: 80 m ³ /h					

The "▼" position is used for factory test only. Do not use this position.
Vị trí "▼" chỉ được sử dụng cho hoạt động kiểm tra của nhà máy. Không sử dụng vị trí này.

"▼" 档位仅供工厂测试使用，用户请不要使用此档位。

"▼" 檔位僅供工廠測試使用，用戶請不要使用此檔位。

يتم استخدام الموضع "▼" لاختبار المصنع فقط. لا تستخدم هذا الموضع.



OPERATION

运转

運轉

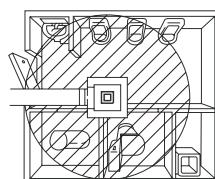
VẬN HÀNH

التشغيل

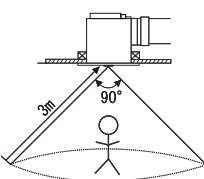
① Motion sensor (For 24JRB model)

动作感应 (对于 24JRB 型号)

■ Detectable range



Phạm vi cảm biến



動作感應 (對於 24JRB 型號)

可感应范围

Cảm biến chuyển động (Dùng cho kiểu 24JRB)

وحدة استشعار الحركة (الطراز 24JRB)

نطاق الاكتشاف

At the condition that the room temperature is 25°C:
Với điều kiện nhiệt độ phòng là 25°C:
在室温25°C的环境下:

- The distance that can be detected is about 3m.
Khoảng cách cảm biến khoảng 3m.
المسافة التي يمكن التعرف عليها هي حوالي 3م.
- The field of view of the sensor is about 90°.
Góc quan sát của bộ cảm biến là 90°.
مجال الرؤية المحسّس حوالي 90 درجة متّوّبة.

■ When the sensor detects motion of a person, the fan keeps running at the maximum air volume until the delay time ends.
Khi cảm biến phát hiện có chuyển động của một người, quạt duy trì chạy ở mức khối lượng khí tối đa cho đến khi hết thời gian trì hoãn.

当感应到有人活动时，换气扇保持在最高风量状态直至延时结束。

當感應到有人活動時，換氣扇保持在最高風量狀態直至延時結束。

عندما يكتشف الحساس حركة شخص، فإن المروحة تستمر في مرحلة

العمل بحجم الهواء الأقصى حتى ينتهي وقت التأخير.

■ When new motion is detected by sensor in the delay time stage, the delay time will be counted again.
Khi bộ cảm biến phát hiện thêm một chuyển động mới trong thời gian trì hoãn, thời gian trì hoãn được đếm lại.

如果在延时阶段感应器感应到新的动作，延时时间将会重新计算。

如果在延时阶段感应器感应到新的动作，延时时间将重新计算。

عند اكتشاف حركة جديدة من قبل وحدة الاستشعار في مرحلة

وقت التأخير، يتم احتساب وقت التأخير مرة أخرى.

② The air volume is controlled by the air volume switch.

风量由风量开关调节决定。

風量由風量開關調節決定。

感應器功能

Khối lượng khí được kiểm soát bởi công tắc khôi lượng khí.

يتم التحكم في حجم الهواء عن طريق مفتاح حجم الهواء.

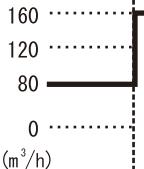
Chức năng bộ cảm biến

وظيفة المحسّس

Human action Hoạt động của con người 人的活动 人的活動 نشاط بشري	Inside Bên trong 室内 室内 من الداخل	Enter Vào 进入 進入 ^ا إدخال	Leave Ra 离开 離開 ^ا ترك	Outside Bên ngoài 室外 室外 من الخارج
Fan action Hoạt động của quạt 换气扇动作 換氣扇動作 المروحة نشطة	The fan runs Quạt chạy. 换气扇运转 換氣扇運轉 المروحة تعمل	When the sensor detects motion of a person, the fan runs at the maximum air volume. Khi cảm biến phát hiện có chuyển động của một người, quạt chạy ở mức khối lượng khí tối đa. 当感应到有人活动时，换气扇运行在最高 风量状态。 當感應到有人活動時，換氣扇運行在最高 風量狀態。 عندما يكتشف الحساس حركة من شخص، فان المروحة تعمل بحجم الهواء الأقصى.	The fan keeps running at the maximum air volume until the delay time ends, and then the initial position is restored. Quạt duy trì chạy ở mức khối lượng khí tối đa cho đến khi hết thời gian trì hoãn và sau đó khôi phục về vị trí ban đầu. 换气扇保持在最高风量状态直至延时结束，回到初始 档位。 換氣扇保持在最高風量狀態直至延時結束，回到初始 檔位。 المروحة تستمر في العمل بحجم الهواء الأقصى حتى ينتهي وقت التأخير، ومن ثم يتم استعادة الموضع المبدئي.	24JRB
Air volume status Mức lưu lượng gió 风量状态 風量狀態 حالة مقدار الهواء	160 120 80 0 (m ³ /h)	160 120 80 0 (m ³ /h)	15 minutes in delay Trì hoãn 15 phút 延时时间15分钟 延時時間15分鐘 15 دقيقة من التأخير	

- Functions of the wall signal switch
墙壁的信号开关功能

Các chức năng của công tắc tín hiệu trên tường
وظائف مفتاح إشارة الجدار

Human action Hoạt động của con người 人的活动 人的活動 نشاط بشري	Inside Bên trong 室内 室内 من الداخل	Enter 进入 進入 إدخال	Vào Leave 离开 離開 ترك	Outside Bên ngoài 室外 室外 من الخارج
Fan action Hoạt động của quạt 换气扇动作 換氣扇動作 المروحة نشطة	The fan runs Quạt chạy. 换气扇运转 換氣扇運轉 المروحة تعمل	When the wall signal switch is turned on, the fan runs at the maximum air volume. Khi công tắc tín hiệu trên tường bật, quạt chạy ở mức khói lượng khí tối đa. 当开启墙壁的信号开关时，换气扇运行在最高风量状态。 當開啟牆壁的信號開關時，換氣扇運行在最高風量狀態。 عندما يتم تشغيل مفتاح إشارة الجدار، فإن المروحة تعمل بحجم الهواء الأقصى.	When the wall signal switch is turned off, the fan keeps running at the maximum air volume until the delay time ends. Then the initial position is restored. Khi công tắc tín hiệu trên tường tắt, quạt duy trì chạy ở mức khói lượng khí tối da cho đến khi hết thời gian tri hoãn. Sau đó khôi phục về vị trí ban đầu. 关闭墙壁的信号开关，换气扇保持在最高风量状态直至延时结束，回到初始档位。 關閉牆壁的信號開關，換氣扇保持在最高風量狀態直至延時結束，回到初始檔位。 عندما يتم إيقاف تشغيل مفتاح إشارة الجدار، فإن المروحة تستمر في العمل بتوفير حجم الهواء الأقصى حتى ينتهي وقت التأخير. ثم يتم استعادة الموضع المبدئي.	24JAB
Air volume status Mức lưu lượng gió 风量状态 風量狀態 حالة مقدار الهواء	160 120 80 0 (m ³ /h)		15 minutes in delay Trì hoãn 15 phút 延时时间15分钟 延時時間15分鐘 15 دقيقة من التأخير	

OPERATION AND ROUTINE MAINTENANCE

日常使用及维护

日常使用及維護

VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ

التشغيل والصيانة الدورية



- A grounding device is required.

Phải có thiết bị tiếp đất.

必须有接地装置。

必須有接地裝置。

يجب توفير جهاز التأمين.



Product failure or electric leakage may cause electric shock.

San phẩm không hoạt động hoặc rò rỉ điện có thể gây giật điện.

当出现故障或漏电时，可能会触电。

當出現故障或漏電時，可能會觸電。

تعطل المنتج أو التسرب الكهربائي قد يسبب صدمة كهربائية.

- Do not disassemble the product for repair or alteration.

Không tháo sản phẩm này để sửa chữa hoặc thay đổi.

禁止拆开本产品进行修理或改造。

禁止拆開本產品進行修理或改造。

لا نقم بفك هذا المنتج للإصلاح أو التغيير.



This may cause fire or electric shock. Contact the designated repair store and ask qualified professionals to maintain or repair your product.

Điều này có thể gây hỏa hoạn hoặc giật điện. Liên hệ cửa hàng sửa chữa được chỉ định và yêu cầu các chuyên gia dù tiêu chuẩn bảo dưỡng hoặc bảo trì sản phẩm của bạn.

容易导致火灾、触电。请联系本公司指定维修店，由有资格的专业人员进行修理、维护。

容易導致火災、觸電。請聯繫本公司指定維修店，由有資格的專業人員進行修理、維護。

قد يسبب هذا الحرائق أو الصدمات الكهربائية. يجب الاتصال بالموزع المسئول عن الإصلاح وطلب توفير المهنيين المؤهلين لصيانة أو إصلاح المنتج الخاص بك.

- Use this product at the rated voltage and frequency indicated on the name plate.

Sử dụng thiết bị với điện áp và tần số quy định ghi trên nhãn thiết bị.

按照铭牌上的额定电压和频率使用本产品。

按照銘牌上的額定電壓和頻率使用本產品。

استخدم هذا المنتج من خلال سطوى الفطالية والترد المحددين والموضعين في لوحة الاسم.

This may damage the product or result in fire.

Điều này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây hỏa hoạn.

可能会损坏本产品或导致火灾。

可能會損壞本產品或導致火災。

هذا قد يؤدي إلى تلف المنتج أو حدوث حريق.

- In case of gas leakage, do not turn on/off this product.

Trường hợp rò rỉ khí ga, không bật/tắt sản phẩm này.

当发生煤气泄漏时，禁止开、关本产品。

當發生煤氣洩漏時，禁止開、關本產品。

في حالة تسرب الغاز، لا يجب تشغيل/إيقاف تشغيل هذا المنتج.

This may generate electric spark and lead to an explosion.

Điều này có thể tạo ra tia lửa điện và dẫn đến cháy nổ.

可能会产生电火花而引起爆炸。

可能會產生電火花而引起爆炸。

فهذا قد يولد شرارة كهربائية، ويؤدي إلى انفجار.



This may generate electric spark and lead to an explosion.

OPERATION AND ROUTINE MAINTENANCE (CONTINUED)

VĂN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ(TIẾP TỤC)

日常使用及维护(续)

日常使用及維護(續)

التشغيل والصيانة الدورية (بيع)



- Do not spray water or any other liquids directly onto this product or clean it with any liquids.

Không trực tiếp xịt nước hoặc bất kỳ loại chất lỏng nào khác lên sản

phẩm này hoặc lau chùi thiết bị bằng bất kỳ chất lỏng này.

禁止用水及其他液体直接噴射、清潔本產品。

禁 止 用 水 及 其 他 液 体 直 接 噴 射 、 清 潔 本 產 品 。

لا تقم برش الماء أو أي سوائل أخرى مباشرة على هذا المنتج أو تنظيفه بأي سوائل.

This may cause short circuit or electric shock.

Điều này có thể gây ra hiện tượng ngắn mạch hoặc giật điện.

可能会引起短路或触电。

可能會引起短路或觸電。

قد يسبب هذا ماس كهربائي أو صدمة كهربائية.

- Before touching this product, ensure that the power switch connected to this product is turned off.

Trước khi chạm vào sản phẩm này, bao đảm đã tắt công tắc điện nối với sản phẩm này.

在接触本产品前，必须确保连接本产品的电源开关处于关闭状态。

在接觸本產品前，必須確保連接本產品的電源開關處於關閉狀態。

قبل لمس هذا المنتج، فيجب التأكد من أن مفتاح الطاقة المتصل بهذا المنتج قد تم إيقاف تشغيله.

This may result in electric shock.

Điều này có thể làm bạn bị giật điện.

可能会导致触电。

可能會導致觸電。

قد يؤدي هذا إلى صدمة كهربائية.

- Be sure to uninstall the product if it will not be used any longer.

Bao đảm tháo sản phẩm ra nếu không còn sử dụng.

使用结束后的产品，不得放置不管，应予以拆除。

使用結束後的產品，不得放置不管，應予以拆除。

تأكد من فك تركيب المنتج إذا لم تكن تنوى استخدامه بعد الآن.

The product may fall off.

Sản phẩm có thể rơi ra ngoài.

产品可能会掉落。

產品可能會掉落。

قد يسقط المنتج.

- This product is applicable to living rooms, washrooms and other places where the humidity is not too high.

Thiết bị sử dụng thích hợp cho phòng khách, nhà vệ sinh và những nơi độ ẩm không quá cao.

本产品用于起居室、洗漱间等湿度不太高的场所。

本產品用於起居室、洗漱間等濕度不太高的場所。

يمكن استخدام هذا الجهاز في غرف المعيشة، و المراحيض، وغيرها من الأماكن التي لا تكون نسبة الرطوبة فيها مرتفعة للغاية.

This may cause short circuit or electric shock.

Điều này có thể gây ra hiện tượng ngắn mạch hoặc giật điện.

可能会引起短路或触电。

可能會引起短路或觸電。

قد يسبب هذا ماس كهربائي أو صدمة كهربائية.

- This appliance is not intended for use by persons (including children) with reduced physical, sensory or mental capabilities, or lack of experience and knowledge, unless they have been given supervision or instruction concerning use of the appliance by a person responsible for their safety. Children should be supervised to ensure that they do not play with the appliance.

Thiết bị này không dành cho những người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị tàn tật, thiểu năng hoặc thiếu kinh nghiệm và thiếu kiến thức sử dụng, trừ khi họ được giám sát hay hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm về sự an toàn của họ. Trẻ em phải được giám sát để đảm bảo rằng trẻ không đùa nghịch với thiết bị.

本产品不适合有残障、智障或精神障碍的人士，或缺乏经验、常识者（包括儿童）维护使用，除非在监护人的看护或指导之下使用。应确保儿童不要把本产品当作玩具玩。

本產品不適合有殘障、智障或精神障礙的人士，或缺乏經驗、常識者（包括兒童）維護使用，除非在監護人的看護或指導之下使用。應確保兒童不要把本產品當作玩具玩。

هذا الجهاز غير معد للاستعمال من قبل الأشخاص (بما في ذلك الأطفال) ذوي الإعاقة الجسمية أو العقلية أو الحسية أو الأشخاص الذين ليس عندهم خبرة أو معرفة بمثل هذه الأجهزة إلا إذا تم الإشراف عليهم و إعطائهم التعليمات التي تتعلق باستعمال الجهاز من قبل شخص مسؤول عن سلامتهم ويجب مراقبة والإشراف على الأطفال لضمان عدم عثبيهم بالجهاز.

OPERATION AND ROUTINE MAINTENANCE (CONTINUED)

VĂN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ (TIẾP TỤC)

日常使用及维护(续)

日常使用及維護(續)

التشغيل والصيانة الدورية (بيع)

Requirement 要求	Yêu cầu المطلبات
-------------------	---------------------

■ Routine maintenance is required every year. Disconnect the power source before you conduct any maintenance.

Cần thực hiện bảo trì thiết bị thường niên. Ngắt nguồn điện trước khi tiến hành bảo trì.

每年应该进行常规的维修保养。在维修工作进行时，不得接通电源。

每年應該進行常規的維修保養。在維修工作進行時，不得接通電源。

■ Do not immerse blade or other resin parts in hot water over 60°C.

Không được ngâm cánh quạt hoặc các bộ phận bằng nhựa trong nước nóng trên 60°C.

切勿把塑料部品浸入高于60°C的水中。

切勿把塑料部品浸入高於60°C的水中。

■ Do not use petrol, benzene, thinner or any other such chemicals for cleaning the ventilating fan.

Không được sử dụng xăng, benzen, dung môi hay bất kỳ hóa chất nào để làm sạch quạt thông gió.

切勿使用汽油、苯、稀释剂或者其他诸如此类的化学品擦拭换气扇。

切勿使用汽油、苯、稀釋劑或者其他諸如此類的化學品擦拭換氣扇。

يلزم القيام بالصيانة الدورية كل عام. قم بفصل مصدر التيار قبل تنفيذ أي صيانة.

لا تغمس النصل أو المكونات الراينجية الأخرى في الماء الساخن بأكثر من درجة حرارة ٦٠ درجة مئوية.

لا تستعمل البنزول أو البنزين أو أي من المواد الكيميائية الأخرى لتنظيف مروحة التهوية.

Routine Maintenance

日常保养

For 24JRB model: Dùng cho kiểu 24JRB:

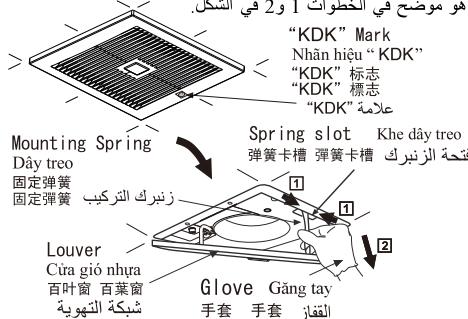
① Pull down the mounting spring to the right of the "KDK" logo as described in Steps 1 and 2 in the figure.

Kéo lò xo gắn trên đó xuống qua phía bên phải lô-gô "KDK" như ô tả trong các Bước 1 và 2 trong hình.

按图示步骤1和步骤2拉下位于“KDK”标志右侧的固定弹簧。

按圖示步驟1和步驟2拉下位於“KDK”標誌右側的固定彈簧。

سحب الأسفل حلقة التركيب للبنزين في اتجاه شعار "KDK" كما هو موضح في الخطوات 1 و 2 في الشكل.



③ Clean the dirt from the fan body using a suction cleaner.

Lau sạch bụi trên thân quạt bằng máy hút bụi.

使用吸尘器清除风扇主体上的污物。

使用吸塵器清除風扇主體上的污物。

قم بالازالة الأوساخ من على جسم المروحة
باستخدام منظف امتصاص.



对于 24JRB 型號:

對於 24JRB 型號:

Bảo dưỡng định kỳ

الصيانة الروتينية

الطراز : 24JRB

② Clean the louver and the sensor cover with a soft dry cloth. Be sure not to add any tension on the sensor lead wire.

Lau sạch cửa gió và bộ cảm biến bằng một miếng vải mềm và khô ráo. Đảm bảo không tì đè lên dây dẫn cảm biến.

使用柔软干布清洁百叶窗和感应器外壳。

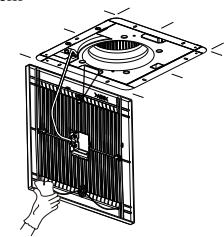
請勿施加拉力於感應器引線。

使用柔軟乾布清潔百葉窗和感應器外殼。

請勿施加拉力於感應器引線。

قم بتنظيف شق التهوية وخطاء وحدة الاستشعار باستخدام قطعة

قماش نظيفة وجافة. تحقق من عدم شد سلك تيار ووحدة الاستشعار.



■ Do not use any liquid or water to clean the louver.

Không được dùng chất lỏng hoặc nước để lau cửa gió.

禁止用水或其它液体清洗百叶窗。

禁止用水或其它液體清洗百葉窗。

لا تستخدم أي سائل أو ماء لتنظيف شق التهوية.

■ Do not disassemble the sensor unit from the louver when cleaning.

Không được tháo rời bộ cảm biến và cửa gió khi lau chùi.

在清洁时，禁止从百叶窗上拆下感应器单元。

在清潔時，禁止從百葉窗上拆下感應器單元。

لا تفكك وحدة جهاز الاستشعار من شق التهوية عند التنظيف.

④ Wipe the dust off the fan body with a soft cloth moistened with kitchen detergent. Then clear it with a clean soft cloth.

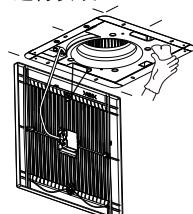
Finally, replace the louver. Install the louver by referring to "Louver Installation" on Page 12 to 13.

Lau sạch bụi trên thân quạt bằng một miếng vải mềm ẩm, được tẩm ít chất tẩy dung cụ nhà bếp. Sau đó lau lại bằng vải mềm sạch. Cuối cùng, lắp lại cửa gió. Tham khảo phần "Lắp đặt cửa gió" ở các Trang 12 và 13.

使用软布沾上厨房用洗调剂后擦掉机体上的污物，再用干净软布擦净。最后，重新装上百叶窗。请根据第12页至第13页的“百叶窗的安装”的内容进行安装。

使用軟布沾上廚房用洗調劑後擦掉機體上的污物，再用乾淨軟布擦淨。最後，重新裝上百葉窗。請根據第12頁至第13頁的“百葉窗的安裝”的內容進行安裝。

قم بالازالة الأوساخ من على جسم المروحة باستخدام قطعة قماش ناعمة مرطبة بممنظف منزلي، ثم قم بتنظيفها باستخدام قطعة قماش نظيفة وناعمة. وفي النهاية، أعد تركيب شق التهوية. يجب تثبيت الكوة من خلال الرجوع إلى "تركيب شق التهوية" في الصفحات 12 إلى 13.



OPERATION AND ROUTINE MAINTENANCE (CONTINUED)

VĂN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ (TIẾP TỤC)

日常使用及维护(续)

日常使用及維護(續)

التشغيل والصيانة الدورية (بيع)

For 24JA2 model:

Dùng cho kiểu 24JA2 :

- ① Pull down the mounting spring as described in Steps 1 and 2 in the figure, and then remove the louver.

Kéo hai dây treo ra theo các Bước 1 và 2 như trong hình và tháo cửa thông hơi.

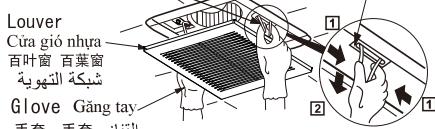
按图示步骤1和步骤2拉下两条固定弹簧，拆下百叶窗。

按圖示步驟1和步驟2拉下兩條固定彈簧，拆下百葉窗。

احبس الحلقين من الخطوات 1 و 2 كما هو مبين في الشكل، وفك فتحة التهوية.

Mounting Spring Dây treo
固定弹簧 固定彈簧 زنبرك التركيب

Spring slot Khe dây treo
弹簧卡槽 弹簧卡槽 فتحة الزنبرك



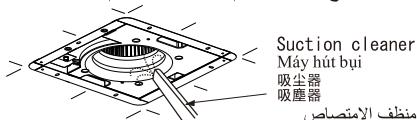
- ③ Clean the dirt from the fan body using a suction cleaner.

Lau sạch bụi trên thân quạt bằng máy hút bụi.

使用吸尘器清除风扇主体上的污物。

使用吸塵器清除風扇主體上的污物。

قم بزالة الأوساخ من على جسم المروحة باستخدام منظف امتصاص.



Suction cleaner
Máy hút bụi
吸尘器
吸塵器
منظف الامتصاص

对于 24JA2 型号：

對於 24JA2 型號：

- ② Rinse the louver with water, and then dry it with a soft dry cloth or leave it air dry.

Rửa cửa gió bằng nước sạch, và lau khô bằng vải mềm hoặc để khô tự nhiên.

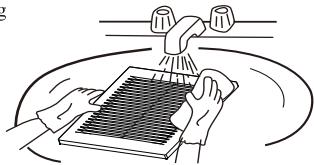
用水冲洗百叶窗，洗净的百叶窗请用柔软的干布抹干或风干。

用水沖洗百葉窗，洗淨的百葉窗請用柔軟的乾布抹乾或風乾。

اغمس شق التهوية في الماء، ثم جففه بقطعة قماش.

جافة ناعمة، أو اتركه في الهواء لجف.

الطراز 24JA2 :



- ④ Wipe the dust off the fan body with a soft cloth moistened with kitchen detergent. Then clear it with a clean soft cloth. Finally, replace the louver.

Lau sạch bụi trên thân quạt bằng một miếng vải mềm ẩm được tẩm ít chất tẩy dụng cụ nhà bếp. Sau đó lau lại bằng vải mềm sạch. Cuối cùng, lắp lại cửa gió.

使用软布沾上厨房用洗涤剂后擦掉风扇主体上的污物，再用干净软布擦净。最后，重新装上百叶窗。

使用軟布沾上廚房用洗滌劑後擦掉風扇主體上的污物，再用乾淨軟布擦淨。最後，重新裝上百葉窗。

قم بزالة الأوساخ من على جسم المروحة باستخدام قطعة قماش ناعمة.

مرطبة بمخفف منزلي. ثم قم بتنظيفها باستخدام قطعة قماش نظيفة وناعمة. وفي النهاية، أعد تركيب شق التهوية.



TROUBLE SHOOTING GUIDE

问题指引

問題指引

HƯỚNG DẪN XỬ LÝ SỰ CỐ

دليل حلول المشكلات

Check according to the following table and correct the problem. If the fan still does not work correctly, disconnect the power source and contact the dealer.

Kiểm tra các chi tiết theo bảng sau và khắc phục sự cố. Nếu quạt vẫn không hoạt động được, ngắt nguồn điện và liên hệ với nhà phân phối.

请根据下表检查和应对问题。如果换气扇依然不能正常工作，请断开电源并联系当地的经销商。

請根據下表檢查和應對問題。如果換氣扇依然不能正常工作，請斷開電源並聯系當地的經銷商。

根据该表格中的问题，如果发生故障，请参考电源线，并与经销商联系。

PROBLEM 问题	SỰ CÓ 問題	CAUSE 原因	NGUYÊN NHÂN 原因	ACTION 对策	BIỆN PHÁP الإجراء
The fan does not run at the maximum air volume when a person is within the sensing range of the sensor.		Is the room temperature near the temperature of human body?	Nhiệt độ phòng xấp xỉ thân nhiệt?	Check again after the room temperature drops.	Kiểm tra lại sau khi nhiệt độ trong phòng giảm.
Quạt không chạy ở mức khói lượng khí tối đa khi có người trong phạm vi cảm ứng của cảm biến.		Nhiệt độ phòng xấp xỉ thân nhiệt?	室温是否接近人体的温度?	降低室温后再次确认。	降低室温後再次確認。
当人在感应器可感应的范围内，换气扇没有运行在最高风量状态。		室温是否接近人體的溫度?	هل درجة حرارة الغرفة تقترب من درجة حرارة الجسم البشري؟	يجب التحقق مرة أخرى بعد انخفاض درجة حرارة الغرفة.	تأكيد من عدم وجود عائق بالقرب من المنتج.
當人在感應器可感應的範圍內，換氣扇沒有運行在最高風量狀態。		Is the sensor slow to the people's motion?	Bộ cảm biến phản ứng chậm so với chuyển động của người?	Make sure there is no obstacle near the product.	Dảm bảo không vật cản nào ở gần thiết bị.
人在感应器可感应的范围内，换气扇没有运行在最高风量状态。		感应器对人的活动感应是否缓慢?	感應器對人的活動感應是否緩慢?	确保没有障碍物靠近本产品。	確保沒有障礙物靠近本產品。
人在感應器可感應的範圍內，換氣扇沒有運行在最高風量狀態。		هل استشعار وحدة الاستشعار بطيء مقارنة بحركة الناس؟	هل وحدة الاستشعار غير نظيفة؟	Clean the dirt according with "OPERATION AND ROUTINE MAINTENANCE" at page 15 to 18.	根据第15页至18页的“日常使用及维护”的内容清洁污垢。
人在感应器可感应的范围内，换气扇没有运行在最高风量状态。		感应器单元是否有污垢?	感應器單元是否有污垢?	Lau sạch bụi theo hướng dẫn trong mục "VĂN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ" ở trang 15 đến 18.	根據第15頁至18頁的“日常使用及維護”的內容清潔污垢。
人在感應器可感應的範圍內，換氣扇沒有運行在最高風量狀態。		感应器单元是否有污垢?	感應器單元是否有污垢?	قم بتنظيف القاذورات من خلال الرجوع إلى فقرة " التشغيل والصيانة الدورية " في الصفحات من 15 إلى 18.	在第15至18頁的“日常使用及維護”的內容清潔污垢。

WIRING DIAGRAM

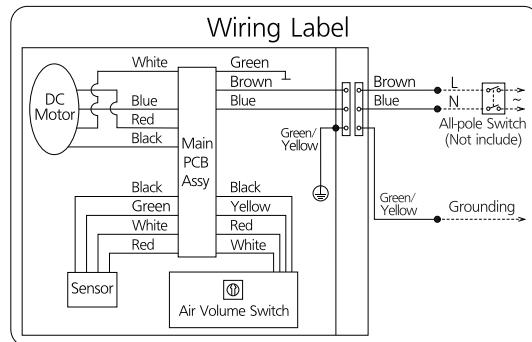
电气原理图

SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY

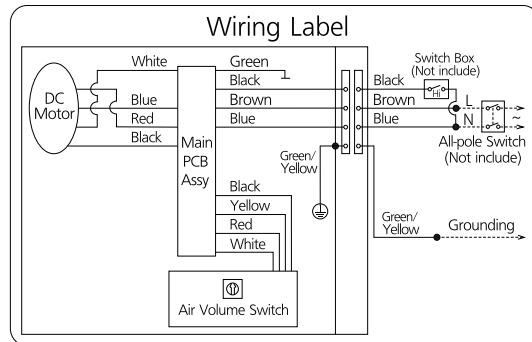
電氣原理圖

الرسم التخطيطي للأسلاك

24JRB



24JAB



SPECIFICATIONS

规格

規格

THÔNG SỐ KỸ THUẬT
المواصفات

Model Số hiệu 型号 型號 모델 번호	Voltage Điện áp 电压 الفلطية [V]	Frequency Tần số 频率 التردد [Hz]	Power consumption Công suất tiêu thụ 功率 功率 اسهالاك النبار [W]	Air Volume Lưu lượng gió 风量 風量 مستوى الهواء [m³/h]	Noise Độ ồn 噪音 噪音 الضوضاء [dB (A)]	Static Pressure Áp suất tĩnh 静压 靜壓 الضغط الثابت [Pa]	Net weight Trọng lượng tịnh 净重 淨重 الوزن الصافي [kg]
24JRB/ 24JAB	220–240	50	8.0	160	31	170	2.9
			5.2	120	26	170	
			3.6	80	20	170	
	220–230	60	8.0	160	31	170	
			5.2	120	26	170	
			3.6	80	20	170	

- The values of rated input, air volume and noise are specified at the static pressure of 0 Pa.
- The values of noise level is A weighted average sound pressure level, the mean value are measured by our company, within +3 and -7 tolerance.
- Test method: In the noise test room, measure the noise value at a position 1 m away from the left side/right side/bottom of the sample respectively, and then calculate the average value.
- The values of air volume are the mid-points of results measured by our company, with $\pm 10\%$ tolerance.
- Static pressure is the central value of the company's test results when the air volume is 0, with a lower deviation of -10%.
- * The above parameters are subject to change without a prior notice.
- Các giá trị theo lý thuyết tại áp suất tĩnh là 0 Pa.
- Giá trị của độ ồn là mức áp lực âm thanh trung bình đơn vị A, giá trị trung bình là công ty chúng tôi đo với sai số từ +3 đến -7.
- Phương pháp kiểm tra: Trong phòng kiểm tra tiếng ồn, lần lượt đo giá trị tiếng ồn tại vị trí lân cận trái/phải/dày của mẫu vật 1 m và sau đó tính giá trị trung bình.
- Giá trị của lưu lượng gió ở mức giao điểm theo kết quả mà chúng tôi đo đạc với sai số $\pm 10\%$.
- Áp suất tĩnh là giá trị chính trong kết quả kiểm tra của công ty khi khối lượng khí là 0, với mức sai lệch là -10%.
- * Các thông số ở trên có thể thay đổi mà không báo trước.
- 风量、电气特性、噪音值等数据是在静压为0Pa状态下的数值。
- 噪音值为A计权平均声压级，是本公司测试结果的中心值，有+3dB, -7dB的公差范围。
- 测试方法为噪声测试室内，距样品左侧、右侧、下方各1米处测定其噪音值，然后取其平均值。
- 风量是本公司测试结果的中心值，有 $\pm 10\%$ 的公差范围。
- 静压是风量为0时本公司测试结果的中心值，下偏差为-10%。
- * 上述参数如有变动恕不另行通知。
- 風量、電氣特性、噪音值等數據是在靜壓為0Pa狀態下的數值。
- 噪音值為A計權平均聲壓級，是本公司測試結果的中心值，有+3dB, -7dB的公差範圍。
- 測試方法為噪音測試室內，距樣品左側、右側、下方各1米處測得其噪音值，然後取其平均值。
- 風量是本公司測試結果的中心值，有 $\pm 10\%$ 的公差範圍。
- 靜壓是排氣量為0時本公司測試結果的中心值，下偏差為-10%。
- * 上述參數如有變動恕不另行通知。

- يتم تخصيص القيم ماعدا الضغط الثابت عند ضغط التشويش بدرجة صفر .
- قيم مستوى الضجيج هي معدل مستوى ضغط الصوت الاضافي، القيمة المتوسطة مقاسة من قبل شركتنا، تفاوت مسموح ضمن $+3$ و -7 .
- طريقة الاختبار: في غرفة اختبار الضوضاء، يجب قياس حجم الضوضاء في موضع على بعد 1 متر من الجانب الأيسر / الجانب الأيمن / الجزء السفلي من النموذج على التوالي، ثم حساب متوسط القيمة.
- قيم حجم الهواء هي نقاط متوسطة لنتائج مقاسة من قبل شركتنا، مع تفاوت مسموح $\pm 10\%$.
- الضغط الثابت هو القيمة المركزية لنتائج اختبار الشركة عندما يكون حجم الهواء هو 0، مع انحراف أقل من -10% .
- * المعلومات أعلاه قابلة للتغيير دون إشعار مسبق.

AMCA SPECIFICATIONS

AMCA 规格

AMCA 規格

THÔNG SỐ KỸ THUẬT AMCA

المواصفات AMCA

Model Số hiệu 型号 型號 موдель رقم	Voltage Điện thế 电压 電壓 الвольطية [V]	Frequency Tần số 频率 頻率 التردد [Hz]	Speed Tốc độ 档位 檔位 السرعة	Air delivery and Noise at static pressure Luồng gió và tiếng ồn ở áp suất tĩnh 在静压下的风量和噪音 在靜壓下的風量和噪音 توصيل الهواء والضوضاء عند الضغط الثابت							Power consumption Công suất tiêu thụ 功率 功率 استهلاك التيار [W] ※	Power consumption Công suất tiêu thụ 功率 功率 استهلاك التيار [W] ※※	
				In. wg	0	0.1	0.125	0.25	0.375	0.5	0.625		
24JRB	220	60	Hi	CFM	88	88	88	88	63	34	5	10	8
				Sones	0.7	1.0	1.0	1.3	1.7	1.8	3.1		
	240	50	Hi	CFM	88	88	88	88	63	34	5		
				Sones	0.7	1.0	1.0	1.3	1.7	1.8	3.1		
24JAB	220	60	Hi	CFM	88	88	88	88	63	34	5	10	8
				Sones	0.6	0.9	1.0	1.4	1.6	1.9	3.2		
	240	50	Hi	CFM	88	88	88	88	63	34	5		
				Sones	0.6	0.9	1.0	1.4	1.6	1.9	3.2		

The ratings shown are based on tests and procedures performed in accordance with AMCA Publication 211 and AMCA Publication 311.

* The Watts rating is only for AMCA test method and it is at the static pressure of 0 inch of H₂O.

※※ The Watts rating is only for IEC test method.

Các định mức được hiển thị dựa trên các thí nghiệm và quy trình được thực hiện tuân theo Ân bản AMCA 211 và Ân bản AMCA 311.

※ Định mức Watts chỉ dành cho phương pháp thí nghiệm AMCA và nó không ở áp suất tĩnh 0 inche của H₂O.

※※ Định mức Watts chỉ dành cho phương pháp thí nghiệm IEC.

以上的额定值是经实验测定的，执行程序与AMCA 211版本和AMCA 311版本保持一致。

※所指耗电量是在静压为0条件下AMCA的测试值。

※※所指耗电量是IEC的测试值。

以上的額定值是經實驗測定的，執行程式與AMCA 211版本和AMCA 311版本保持一致。

※所指耗電量是在靜壓為0條件下AMCA的測試值。

※※所指耗電量是TEC的測試值。

Insulation Class E

Cách nhiệt cấp E

绝缘等级 E

絕緣等級 E فئة العزل E

IP Code: IPX2

Mã IP: IPX2

防水等级 IPX2

防水等級 IPX2

Type of insulation : Functional Insulation

Kiểu cách nhiệt: Cách nhiệt Vân hành

绝缘种类：功能绝缘

絕緣種類：功能絕緣

نوع العزل: عزل وظيفي

KDK Company, Division of PES

© KDK Company, Division of PES 2013–2016